ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Bài 2, 3, 4

Giấy, bút.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc dữ kiện, ghi cách làm rồi tự kiểm; có thể chia bốn nhiệm vụ thành các lần học khác nhau.

Khi dùng vật thật, ghi số đo hoặc kết quả đã quan sát và phần được hỗ trợ; không chép kết quả trong ví dụ làm kết quả của mình.

LƯU Ý CHUNG

Chấp nhận cách làm khác nếu đúng dữ kiện, đơn vị và quan hệ toán học. Để trẻ thử và tự kiểm trước khi gợi ý.

Bài 1 · tr. 01 Nhận một ki-lô-mét vuông qua hình vuông đơn vị

Mục tiêu Hiểu km² là diện tích hình vuông cạnh 1 km, không phải một độ dài.

Ví dụ Hình vuông cạnh 1 km có cạnh 1000 m. Diện tích là 1000 × 1000 = 1 000 000 m², gọi là 1 km².

Giấy, bút; có thể dùng sơ đồ ô vuông để giải thích.

Câu 1 · tr. 01 1 km².

Câu 2 · tr. 01 2 000 000 m².

Câu 3 · tr. 01 Đã quên chiều thứ hai: 1000 m × 1000 m = 1 000 000 m².

Câu 4 · tr. 01 Không; km đo độ dài, km² đo diện tích.

LT1 · tr. 02 2 × 2 = 4 km² = 4 000 000 m², vì 1 km² = 1 000 000 m².

Bài 2 · tr. 02 Nhận một héc-ta qua hình vuông cạnh một trăm mét

Mục tiêu Nhận ha từ diện tích hình vuông cạnh 100 m.

Ví dụ Hình vuông cạnh 100 m có diện tích 100 × 100 = 10 000 m²; diện tích đó là 1 ha.

Câu 1 · tr. 02 1 ha.

Câu 2 · tr. 02 30 000 m².

Câu 3 · tr. 02 2 ha.

LT1 · tr. 02 1 ha = 10 000 m²; 1,5 ha = 15 000 m².

Câu 4 · tr. 03 Ha là đơn vị diện tích; 1 ha là diện tích hình vuông cạnh 100 m, không phải một đoạn thẳng.

Bài 3 · tr. 03 Liên hệ ki-lô-mét vuông, héc-ta và mét vuông

Mục tiêu Liên hệ các đơn vị diện tích lớn qua cùng một đơn vị chuẩn.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Ví dụ Vì 1 000 000 : 10 000 = 100 nên 1 km² = 100 ha. Quan hệ này nói về diện tích, không phải độ dài.

Đề Câu 1 Đổi 4 km² ra héc-ta.

Câu 1 · tr. 03 400 ha.

Đề Câu 2 Đổi 250 ha ra ki-lô-mét vuông.

Câu 2 · tr. 03 2,5 km².

Câu 3 · tr. 03 5000 m².

Câu 4 · tr. 03 2 km² = 2 000 000 m²; chia 10 000 được 200 ha, không phải 2000 ha.

Bài 4 · tr. 04 Đổi và tính các số đo diện tích lớn

Mục tiêu Đổi về đơn vị chung trước khi tính diện tích lớn.

Ví dụ Hai khu rộng 1,2 ha và 3000 m² có tổng 12 000 + 3000 = 15 000 m², tức 1,5 ha.

Câu 1 · tr. 04 20 000 + 4500 = 24 500 m².

Câu 2 · tr. 04 80 − 25 = 55 ha.

Câu 3 · tr. 04 2,25 ha = 22 500 m².

Câu 4 · tr. 04 Hai số đo chưa cùng đơn vị; 4500 là số mét vuông, không phải số héc-ta. Phải đổi trước.

Bài 5 · tr. 05 Chọn đơn vị và kiểm tính hợp lí của diện tích

Mục tiêu Chọn đơn vị và kiểm tính hợp lí theo đối tượng và dữ kiện.

Ví dụ Diện tích mặt một cuốn vở thường được diễn tả bằng cm²; diện tích một vùng rộng có thể dùng ha hoặc km². Chọn đơn vị không tự tạo ra số đo.

Giấy, bút, thước để đo mặt phẳng nhỏ; các dữ kiện diện tích số ở đây là giả định.

Đề Câu 1 Chọn trong cm², ha, km² một đơn vị thuận tiện cho mặt bìa nhỏ, khu ruộng và một vùng rộng; nêu lí do.

Câu 1 · tr. 05 Có thể lần lượt chọn cm², ha, km² vì quy mô tăng dần; cần dựa đúng đối tượng.

Đề Câu 2 Sơ đồ giả định ghi khu A rộng 0,06 km² và khu B rộng 5 ha. Khu nào rộng hơn, hơn bao nhiêu ha?

Câu 2 · tr. 05 A = 6 ha; A rộng hơn 1 ha.

Đề Câu 3 Bạn ghi mặt bàn học rộng 2 km². Em có thể kết luận con số ấy đáng nghi bằng ước lượng không? Nêu cách kiểm tiếp.

Câu 3 · tr. 05 Rất đáng nghi với một mặt bàn; đo dài, rộng theo m rồi tính m² để kiểm. Không chỉ thay đơn vị mà giữ số 2 nếu chưa đo.

Đề Câu 4 Chọn một mặt phẳng nhỏ ở nhà, đo dài và rộng nếu là hình chữ nhật. Ghi số đo, diện tích và đơn vị phù hợp; không cần đổi sang ha.

Câu 4 · tr. 05 Theo vật thực: số đo cùng đơn vị, diện tích bằng dài × rộng; ghi phần đã được người lớn giúp.